UBND XÃ THẠCH HÀ **Biểu số 117/CK TC - NSNN**

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Quyết toán đã được HĐND xã phê chuẩn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	**502.803**	**447.988**	**588.953**	**479.737**	**117,13**	**107,09**
I	**Các khoản thu 100%**	**890**	**890**	**1.148**	**1.136**	**128,99**	**127,64**
1	Phí, lệ phí	82	82	80	80	97,56	97,56
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	65	65	19	19	29,23	29,23
3	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
4	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			30	30		
5	Thu khác	743	743	1.019	1.007	137,15	135,53
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**85.843**	**31.028**	**163.121**	**53.915**	**190,02**	**173,76**
1	Các khoản thu phân chia	9.497	1.584	13.924	1.741	146,61	109,91
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	490	490	418	418	85,31	85,31
1.2	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	462	242	324	140	70,13	57,85
1.3	Lệ phí trước bạ	8.545	852	13.182	1.183	154,27	138,85
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	76.346	29.444	149.197	52.174	195,42	177,20
2.1	Thu tiền sử dụng đất	56.344	25.355	102.316	46.042	181,59	181,59
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.552	166	864	229	55,67	137,95
2.3	Thuế tài nguyên			175	35		
2.4	Thuế VAT - TNDN, HTX	14.740	2.948	34.114	4.433	231,43	150,37
2.5	Thuế VAT hộ cá thể	1.350	945	2.033	1.392	150,56	147,30
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	2.300		9.609		417,76	
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt	60	30	87	43	145,00	143,33
IV	**Thu chuyển nguồn**	**2.900**	**2.900**	**2.900**	**2.900**	**100,00**	**100,00**
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**	**904**	**904**	**897**	**897**	**99,26**	**99,26**
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**412.266**	**412.266**	**420.889**	**420.889**	**102,09**	**102,09**
1	Thu bổ sung cân đối	354.773	354.773	354.773	354.773	100,00	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	57.493	57.493	66.116	66.116	115,00	115,00